TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:**42**/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 17 - 9 - 2020
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Mạnh
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thành
Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành , tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành không tham gia phiên toà theo Thông báo số:189/TB – VKS – HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2020.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 235/2020/TLST-HNGĐ ngày 28/7/2020 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án đưa vụ án ra xét xử số: 91/2020/QĐXX – ST ngày 28/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Hồng U, sinh năm 1975; Địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp 1, xã M, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp 1, xã M, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Hồng Út trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà U và ông D kết hôn năm 1996 nhưng do bị thất lạc giấy chứng nhận kết hôn nên năm 2005 bà U và ông D đã đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng vài năm trở lại đây bà Uvà ông D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D nghiền rượu, ăn nhậu suốt ngày, say xỉn chửi bới bà U. Từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay bà U và ông D đã sống ly thân, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Nay bà U nhận thấy mâu thuẫn vợ

chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà U yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà U được ly hôn với ông D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà U và ông D có 02 con chung tên Trần Hồng Q, sinh ngày 22/7/1997 và Trần Minh Q1, sinh ngày 11/11/1999. Do con đã trưởng thành nên bà Ukhông yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà U khai không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/8/2020, bị đơn ông Trần Văn D trình bày:

Ông Dvà bà Ukết hôn năm 1996, có đăng ký kết hôn và việc kết hôn giữa ông D và bà U là do hai người tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc. Cách đây hơn một tuần vợ chồng có xảy ra xô xát, ông D có đánh bà U nên bà U bỏ về nhà người thân sống. Hiện nay ông D vẫn còn tình cảm với bà U nhưng bà U cố tình ly hôn thì ông D đồng ý ly hôn với bà U để giải phóng cho nhau, không ràng buộc làm gì.

Ngoài ra, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Phạm Hồng U giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Trần Văn D và không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ nào thêm.

Bị đơn ông Trần Văn D vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Uvà trong quá trình giải quyết vụ án thì Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án *"Tranh chấp ly hôn"*; bị đơn ông D có nơi cư trú tại ấp 1, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[2]. Về nội dung:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: Bà U và ông D kết hôn năm 1996 nhưng do bị thất lạc giấy chứng nhận kết hôn nên bà U và ông D đã đăng ký kết hôn lại theo giấy chứng nhận kết hôn số: 05, quyển số: 01, ngày 15/3/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, việc kết hôn là do hai người hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, lừa dối. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn bà U và ông D chung sống hạnh phúc nhưng khoảng 3 – 4 năm gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D thường xuyên uống rượu say, chủi bới bà U. Từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay bà U và ông D đã sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà U và ông D đến Tòa án để làm việc, động viên, thuyết phục bà U và ông D đoàn tụ nhưng bà U và ông D vẫn cương quyết ly hôn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà U và ông D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu được ly hôn với ông D của bà U là

có cơ sở và ông D cũng đồng ý ly hôn với bà U nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2]. Về con chung: Bà U và ông D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà U và ông D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Bà U và ông D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Do bà U là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 266, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hồng U: Cho bà Phạm Hồng U được ly hôn với ông Trần Văn D.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Hồng U phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số:0004417,quyền số:0089,ngày 28/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Quốc Mạnh